

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Vũ Linh***

*- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Tĩnh***

*2/ Ông **Nguyễn Xuân Vinh***

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia
phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hường** – Kiểm sát viên.*

Ngày 02 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1094/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐ-HPT ngày 26/02/2018, giữa:

* **Nguyên đơn**: Bà **LÊ THỊ KIM T** – Sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 8, Thôn A, xã B, Nha Trang, Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị đơn**: Ông **NGUYỄN VĂN H** – Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 8, Thôn A, xã B, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05/10/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Lê Thị Kim T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã B, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Bà và ông H có 02 con chung là Nguyễn Văn H – sinh năm 1991 và Nguyễn Lê Quang T – sinh năm 1993.

Bà T cho rằng từ khi chung sống với nhau, ông H là người chồng, người cha vô trách nhiệm, không quan tâm tới vợ con, thường xuyên cờ bạc, nhậu say về đập phá đồ đạc trong nhà. Giữa hai người luôn tồn tại những bất đồng trong suy nghĩ và hành động, dẫn đến những mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện bà T không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn - ông Nguyễn Văn H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông H, ông H có biết việc bà T có yêu cầu ly hôn nhưng không lên Tòa làm việc, nên Tòa án phối hợp với đại diện chính quyền địa phương đã lập và niêm yết

công khai các văn bản tố tụng tại nhà ông Nguyễn Văn H cũng như tại trụ sở UBND nơi ông H thường trú. Do đó Tòa án có đầy đủ căn cứ để tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án theo thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Văn H là bị đơn, có đăng ký Hộ khẩu thường trú và có mặt tại địa phương nhưng thường xuyên vắng nhà, Tòa án đã phối hợp với đại diện chính quyền địa phương lập, niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nhà ông Nguyễn Văn H cũng như tại trụ sở UBND nơi ông H thường trú. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

2. *Về nội dung:* Bà Lê Thị Kim T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã B, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T, cuộc sống hôn nhân chỉ còn trên danh nghĩa vì hiện tại hai người đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Trước đây bà T cũng đã nhiều lần níu kéo và hàn gắn nhưng do tính cách và quan niệm sống của hai người là khác nhau nên không thể có kết quả tốt hơn. Nếu tình trạng này kéo dài, bà T thấy rất căng thẳng và áp lực, ảnh hưởng lên con cái và gia đình hai bên, thậm chí có thể ảnh hưởng tới sức khỏe và tính mạng vì ông H thường đánh đập bà. Mặt khác ông H cũng đã biết được việc bà T xin ly hôn nhưng vẫn cố tình bỏ mặc, không hề quan tâm tới quan hệ hôn nhân này. Do đó xét thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn H là có cơ sở, phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Các con đã trưởng thành nên Tòa không xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị Kim T không yêu cầu nên Tòa không xét.

3. *Về án phí:* Bà Lê Thị Kim T phải chịu án phí ST – HNGĐ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. **Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.**

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0007538 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Lê Thị Kim T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Toà án ND Tỉnh Khánh Hoà
- VKS TP Nha Trang.
- Công an TP Nha Trang.
- Chi cục THA Dân sự TP Nha Trang
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa
- Người tham gia tố tụng
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vũ Linh